

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N2
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HSST
Ngày 30-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N2**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Ngọc Anh Đài;

Ông Lê Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương công Khai xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 85/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Phan Minh Q, sinh ngày 25/7/2000; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp BC, xã TT, huyện DT, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; con ông Phan Văn H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Khaim C, sinh năm 1975;

Tiền án: Ngày 20/11/2018, bị cáo bị Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đối với hành vi thực hiện ngày 18/8/2018. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2019 tại Trại giam Tổng Lê Chân, chấp hành án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/01/2019. Tiền sự: Không.

Ngày 10/9/2021, Phan Minh Q bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Ngô Tín Trung T, sinh năm 1993, tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú tại: Khóm AP, xã ABA, thành phố HN, tỉnh DT; nghề nghiệp: Không; trình

độ học vấn: 09/12; con ông Ngô Cao Q, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1961; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 14/12/2018, bị cáo bị Toà án nhân dân thị xã Bến Cát ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng, chấp hành đến ngày 30/8/2019 được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Ngày 12/3/2020, bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 12/6/2020.

Ngày 10/9/2021, Ngô Tín Trung T bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Minh K, sinh năm 1998; tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12; con ông Trần Thanh Hải, (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị Thuỷ, (không rõ năm sinh); Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 13/9/2021, Trần Minh K bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Huỳnh Tấn T1, sinh năm 1999; tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp BM, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Không; con ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1974 và bà Tô Thị H, sinh năm 1972; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/8/2019, bị can bị Công an phường MP, thị xã BC ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền 750.000 đồng. Bị can chấp hành xong ngày 26/8/2019.

Ngày 10/9/2021, Huỳnh Tấn T1 bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Hoàng L, sinh năm 2000; tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: Khóm 7, phường 1, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị X Mo, sinh năm 1980; Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 10/9/2021, Nguyễn Hoàng L bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

6. Lê Văn N, sinh năm 2001; tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp HT, xã HTh, thành phố CM, tỉnh Cà Mau; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn M, (đã chết) và bà Lê Thị Thu T, (không rõ năm sinh); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/6/2019, bị cáo bị Toà án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 02 năm tù về tội: “Cướp Tài sản”, đối với hành vi thực hiện ngày 31/12/2018. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 30/11/2020, chấp hành xong án phí ngày 11/10/2019.

Ngày 10/9/2021, Lê Văn N bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp Phú Hiệp, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1975 và bà Phan Thị Tiên, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 10/9/2021, Nguyễn Văn H bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 1993; tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp ÔK, xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1966 và bà Trần Thị L, sinh năm 1967.

Nhân thân: Ngày 12/01/2020, bị can bị Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời gian 03 tháng. Bị can chấp hành xong ngày 13/4/2020.

Ngày 10/9/2021, Nguyễn Trọng N1 bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay.

9. Huỳnh Hữu N2, sinh năm 1989; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: khu phố 2, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Không; con ông Huỳnh Hoàng V, (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị Khaim L, (không rõ năm sinh); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D T, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 20/3/2022, Huỳnh Hữu N2 bị bắt tạm giam, giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Phạm Thanh S, sinh năm 1986; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Khu phố 6, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Văn G, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (đã chết) và có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 25/10/2013, bị can bị Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 14 tháng tù về tội: “Cưỡng đoạt Tài sản”, đối với hành vi thực hiện ngày 03/4/2013. Bị can chấp hành xong hình phạt ngày 05/6/2014, chấp hành xong án phí 19/02/2014.

Ngày 20/3/2022, Phạm Thanh S bị bắt tạm giam, giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Hương Thị N3, sinh ngày 27/4/2005; hộ khẩu thường trú tại: Thôn NT, xã ND, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện hợp pháp: Ông Hương Phúc Q, sinh năm 1972 và bà Triệu Thị T, sinh năm 1979;

Cùng hộ khẩu thường trú tại: Thôn NT, xã ND, huyện KN, tỉnh Đắk Nông;
(Cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Nông Thị Kim A, sinh ngày 19/7/2005; hộ khẩu thường trú tại: Khu phố NP, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nông Văn P, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1983;

Cùng hộ khẩu thường trú tại: Khu phố NP, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

(Cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú tại: Ấp Phú Quý, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trần Minh H2, sinh năm 1990; trú tại: Khu phố 4, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Nguyễn Hoàng S1, sinh năm 1993; trú tại: Khu phố 5, thị trấn DT, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3. Trần Thị P, sinh năm 1995; trú tại: Thôn PH, xã PT, huyện LT, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

4. Trần Văn H4, sinh năm 1994; trú tại: Ấp HQ, xã HMB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Minh Q, Ngô Tín Trung T, Trần Minh K, Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trọng N1, Huỳnh Hữu N2 và Phạm Văn Sang đều là đối tượng nghiện ma túy, quen biết nhau do sử dụng ma túy chung.

Khoảng tháng 7/2021, Phạm Minh Q nghe Ngô Tín Trung T nói người tên “Long Ròm” nợ T 500.000 đồng, nhờ Q gấp đòi nợ giùm. Sau đó, Q nghe thông tin Long đang ở phòng trọ số 7, nhà trọ Tuấn Vân ở cạnh đường XC7 thuộc khu phố 4, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, nên khoảng 01 giờ ngày

08/9/2021 Q đã rủ Huỳnh Tấn T1 đến tìm Long. Khi đến nơi, Q gặp chị Hương Thị N3 và chị Nông Thị Kim A ở trong phòng, đang sử dụng điện thoại di động. Q hỏi tìm Long thì chị N3 và Kim A nói không biết Long nên Q và T1 đi về phòng trọ phòng số 17, nhà trọ Vĩnh Huệ ở cạnh đường N5 thuộc khu phố 6, phường Thới Hoà. Về đến nơi, Q, T1 gặp và rủ T, Nguyễn Trọng N1 đi đến phòng trọ số 7 nhà trọ Tuấn Vân đe dọa lấy điện thoại di động của chị N3 và Kim A thì T và Nguyễn đồng ý. Tuy nhiên, do chỉ có 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade, biển số 61H1- 544.21 của N1 nên cả nhóm thống nhất N1 ở nhà đợi, còn Q điều khiển xe chở T và T1 đi. Khoảng 02 giờ cùng ngày, khi đến nơi, Q gõ cửa phòng số 07 thì chị Kim A mở cửa và đứng ngay cửa phòng, trên tay cầm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6. Q liền giật lấy chiếc điện thoại trên tay chị Kim A, đưa cho T1 cầm rồi cùng T1, T xông vào bên trong phòng. Lúc này, Q nhìn thấy 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20 cm để trên tủ lạnh trong phòng thì đi lại lấy dao cầm trên tay chĩa về phía chị N3 đang nằm dưới nệm trong phòng, kêu đưa điện thoại. Chị N3 sợ bị đâm nên đưa chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus của mình đưa cho Q. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, Q và T1 kêu chị N3 và chị Kim A đọc mật khẩu để mở điện thoại, chị N3 và chị Kim A sợ nên đọc mật khẩu cho Q và T1 nghe. Sau đó, cả nhóm ra khỏi phòng, Q lấy ổ khóa trong phòng khóa ngoài cửa phòng lại và vứt bỏ con dao phía trước cổng nhà trọ rồi điều khiển xe chở T và T1 đi về.

Khi Q, T và T1 về đến phòng trọ số 17, nhà trọ Vĩnh Huệ thì N1 hỏi lấy được Tài sản gì không, thì Q và T1 bày 02 điện thoại vừa chiếm đoạt được ra cho N1 xem. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, T đưa chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus cho N1 đem đến tiệm cầm đồ Minh Hiếu thuộc khu phố 6, phường Thới Hòa (do anh Trần Minh H2 làm chủ) cầm cố được 2.650.000 đồng. Tiền có được, T cho N1 200.000 đồng, T đưa 1.000.000 đồng cho chị Trần Thị P nhờ trả nợ giữ, số tiền còn lại thì T tiêu xài hết.

Khoảng 08 giờ ngày 09/9/2021, Nguyễn Hồng T2 đến phòng C2.206 nhà ở xã hội Becamex thuộc khu phố 6, phường TH của Nguyễn Thị Hồng D thì gặp Lê Văn N đang ở trong phòng cùng với D. Lúc này, T2 đưa tiền cho D nhờ D mua ma túy đá (Methamphetamine) giữ. D đồng ý và liên lạc với người tên Sóc (không rõ lai lịch) đến bán 01 bịch ma túy cho Thái với số tiền 2.100.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Q đến phòng C2.206 chơi thì thấy T2 đang phân bịch ma túy mà T2 mua được ra thành 04 gói nhỏ và có tiền của T2 để cạnh đó. Q liền ra ngoài gọi điện thoại kể cho T nghe việc gặp T2, thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt ma túy và tiền của T2 nên kêu Q quay về chở T đến nhà của Phạm Văn S ở cạnh đường N5 thuộc khu phố 6, phường Thới Hòa rủ Trần Minh K, Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Văn H đang ở đây cùng đi. Khi đến nhà của S, T kêu K tìm hung khí mang theo đánh T2 thì K tìm lấy được 02 cây gậy ba khúc ở trong nhà của S. K đưa cho T 01 cây, còn K giữ 01 cây. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô biển số 61H1-54421 chở T và K đến nhà ở xã hội Becamex trước, rồi Q quay về chở L và H đến sau.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T và K đi lên đến phòng C2.206 trước thì thấy T2, D và N ở trong phòng. T và K xông vào phòng, T vô cớ gây chuyện với T2 rồi cùng K dùng cây gậy ba khúc đánh nhiều cái vào vùng lưng và vai của T2 kêu đưa ma túy và tiền. Sau đó, K nhìn thấy và tự lấy 04 gói ma túy đá của T2 để dưới nền nhà. Lúc này, Q, L và H cũng đến nơi, T và K tiếp tục đánh T2 yêu cầu đưa tiền. T2 bị đau và sợ nên lấy hết số tiền 1.100.000 đồng của mình đưa cho K. Tuy nhiên, K tiếp tục kêu T2 đưa thêm số tiền 1.800.000 đồng. T2 nói không có tiền thì bị T và K tiếp tục cầm cây gậy ba khúc đánh. L nhặt 01 cây kéo dài 10,5cm ở trong phòng cầm đâm vào vai của T2 làm chảy máu, còn N cũng nhặt 01 bình gas mini ở trong phòng đánh vào đầu T2. Sau đó, T2 đồng ý và gọi điện thoại cho người quen mượn tiền. K kêu T2 chuyển tiền vào tài khoản của H, nhưng do chỉ có tiền mặt nên T2 nói H kêu người đến lấy thì H gọi điện thoại nhờ bạn tên Tiến Cung (không rõ lai lịch) đến gặp người quen của T2 lấy 1.800.000 đồng. K cho Tiến “Cung” số tiền công là 100.000 đồng, và do H nợ Tiến Cung trước đó 1.300.000 đồng nên Tiến chỉ chuyển vào Tài khoản Viettelpay của H là 400.000 đồng.

Trong lúc, T2 gọi điện thoại mượn tiền người quen chuyển tiền cho K, Q thấy đã chiếm đoạt được tiền nên điều khiển xe mô tô biển số 61H1-54421 chở L về trước, nhưng khi về đến đoạn đường TC1 thuộc khu phố 6, phường Thới Hoà thì cả hai bị Cảnh sát Giao thông Công an thị xã Bến Cát tạm giữ xe. L đi bộ về phòng trọ, còn Q quay lại phòng C2.206 của D.

Sau khi H nhận được tiền của T2 chuyển qua Tài khoản, T tiếp tục yêu cầu T2 đưa thêm số tiền 1.500.000 đồng. T2 nói không có tiền thì bị Q lấy cây gậy ba khúc từ tay của N đánh liên tiếp nhiều cái vào người của T2. Lúc này, T kêu Q và N ở lại trông giữ T2 đợi đến khi chuyển đủ tiền mới cho T2 về, còn T và K đi bộ trước về nhà S, H cũng bỏ về sau.

Khi T và K về tới nhà S thì gặp N2 đến chơi, K lấy từ số tiền 1.100.000 đồng chiếm đoạt được của T2 cho N2 500.000 đồng, cho T 500.000 đồng, còn lại K hưởng. Do trước đó N2 có nghe S nói nhóm T đi tìm T2, N2 gọi Zalo (video) cho H thì biết T và K đánh T2 buộc đưa tiền, nên N2 biết tiền K cho là tiền chiếm đoạt của T2 mà có nhưng N2 vẫn đồng ý nhận. Sau đó, K lấy 04 gói ma túy đá chiếm đoạt được của T2 cho N2, gói còn lại thì K lấy đổ ma túy vào dụng cụ nổ thủy tinh, có sẵn tại nhà S. Lúc này, S nhìn thấy nên hiểu K chuẩn bị sử dụng ma túy nên đi đóng cửa chính nhà lại rồi quay vào cùng K, T và N2 sử dụng hết. Sau đó, N2 kêu T và K nạp thẻ chơi điện tử cho N2 300.000 đồng thì K gọi điện thoại cho H kêu H chuyển cho N2 300.000 đồng qua Tài khoản ngân hàng số 101.451.9231 của Trần Văn H4 để Hà nạp thẻ game cho N2.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Q điện thoại cho T nói T2 không có tiền và D không cho ở phòng nữa nên T kêu Q và N dẫn T2 đi bộ về phòng trọ của T ở nhà trọ Vĩnh Huệ. Sau đó, trên đường đi, T2 đã bỏ chạy và đến Công an phường Mỹ Phước trình báo toàn bộ sự việc.

Vật chứng thu giữ gồm có:

- + Số tiền 1.000.000 đồng của Trần Thị P;
- + Số tiền 48.000 đồng của Nguyễn Trọng N1;
- + 01 điện thoại Iphone 6, màu xám;
- + 01 điện thoại Iphone 7 plus, 128Gb;
- + 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 61H1-544.21;
- + 01 điện thoại hiệu Redmi màu xanh, sim số 0344.239.615;
- + 01 cây gỗ ba khúc bằng khaim loại dài 60cm, cán màu đen;
- + 01 cây kéo dài 10,5cm;

Theo Kết luận định giá ngày 14/9/2021 của Hội đồng định giá Tài sản thị xã Bến Cát, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám trị giá 1.850.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu đen trị giá 4.725.000 đồng.

Đối với xe mô tô honda Airblade, biển số 61H1-544.21, xe do Nguyễn Hoàng S1 đứng tên đăng ký. Tháng 5/2021, anh S1 cho Nguyễn Ngọc Tr (sinh năm 1995; nơi thường trú: khu phố 5, thị trấn DT, huyện DT) sử dụng. Ngày 25/8/2021, Tr đã đưa xe cho N1 mượn làm phương tiện đi lại.

Ngày 19/9/2021 và ngày 30/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng giao trả cho ông Nguyễn Hoàng S1 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade, biển số 61H1-544.21; giao trả chị Nông Thị Kim A 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám; giao trả chị Hương Thị N3 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen; giao trả anh Trần Minh H2 số tiền 1.048.000 đồng. Anh Sang, chị Kim A, chị N3 và anh H2 không có yêu cầu gì thêm.

Ngày 19/9/2021, Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định xử phạt hành chính, đối với Ngô Tín Trung T, Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Trọng N1 và Phan Minh Q, phạt tiền mỗi người là 750.000 đồng đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại bản Cáo trạng số 93/CT-VKSBC ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã:

Truy tố các bị cáo Phan Minh Q, Ngô Tín Trung T, Trần Minh K, Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N và Nguyễn Văn H về tội: “Cướp Tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Truy tố bị cáo Nguyễn Trọng N1 về tội: “Cướp Tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Truy tố bị cáo Huỳnh Hữu N2 về tội: “Tiêu thụ Tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Truy tố bị cáo Phạm **Thanh S** về tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phan Minh Q, Ngô Tín Trung T, Trần Minh K, Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trọng N1 và Phạm Thanh S, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Minh Q xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 10 năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Tín Trung T, xử phạt bị cáo mức án từ 08 đến 09 năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn N, xử phạt bị cáo mức án từ 08 đến 09 năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Minh K, Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Văn H và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Trần Minh K mức án từ 08 đến 09 năm tù;

Huỳnh Tấn T1 mức án từ 07 đến 08 năm tù;

Nguyễn Hoàng L mức án từ 07 đến 08 năm tù;

Nguyễn Văn H mức án từ 07 đến 08 năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng N1, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 03 đến 04 năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thanh S, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 07 đến 08 năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Huỳnh Hữu N2, xử phạt bị cáo mức án từ 10 đến 12 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với quyết định truy tố, điều khoản áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan không tham gia tranh luận, không có ý kiến gì về mặt dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Q, T, K, T1, L, N, H, N2 và Sang đều thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Riêng bị cáo Nguyễn Trọng N1 cho rằng bị cáo bị oan. Bị cáo N1 xác định chỉ có hành vi cho các bị cáo khác mượn xe và đem điện thoại Iphone 7 Plus đi đến tiệm cầm đồ Minh Hiếu cầm cố được 2.650.000 đồng và sau đó được bị cáo T cho 200.000 đồng. Bị cáo không nghe các bị cáo khác bàn bạc về việc cướp Tài sản, không tham gia việc cướp Tài sản, các bị cáo khác mượn xe làm gì thì bị cáo cũng không biết. Trong quá trình điều tra bị cáo bị mớm cung, bị cáo Khai theo hướng dẫn của cán bộ điều tra và nghĩ như vậy mới được sớm trở về, nhưng sau khi có Cáo trạng, bị cáo thấy rằng bị cáo bị đề nghị truy tố tội “Cướp Tài sản” nên bị cáo xin thay đổi lời Khai, đề nghị HĐXX xem xét tuyên bị cáo vô tội.

Tại phiên tòa, HĐXX cho đối chất giữa bị cáo Nguyễn với bị cáo Q, T và T1, kết quả đối chất: Các bị cáo Huỳnh Tấn T1 và Phan Minh Q và Ngô Tín Trung T khẳng định tại thời điểm T1 và Q, T bàn bạc, nói chuyện với nhau về việc sẽ qua nhà trọ của các bị hại N3 và A để cướp điện thoại thì có mặt bị cáo N1 tại hiện trường và bị cáo N1 có nghe, biết sự việc Q và T1, T sẽ đi cướp Tài sản của 2 bị hại và N1 vẫn đồng ý cho Q và T1, T lấy xe của N1 để đi qua nhà của các bị hại. Sau khi cướp điện thoại từ các bị hại trở về phòng trọ số 17 thì N1 gặp Q và T và hỏi “Có lấy được cái gì không”, Q đã đưa 02 điện thoại lấy được của các bị hại ra và nói “lấy được 2 cái này”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và T1 liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các bị cáo, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát:

Quá trình điều tra cơ quan tiến hành điều tra đã không xác minh và thu thập các chứng cứ, T1 liệu liên quan đến độ tuổi của bị hại chưa thành niên, không đưa cha mẹ của các bị hại chưa thành niên vào tham gia tố tụng và không giải thích cho các bị hại chưa thành niên cùng người đại diện hợp pháp về quyền được trợ giúp pháp lý đối với người dưới 18 tuổi là vi phạm nguyên tắc xử lý đối với người tham gia tố tụng dưới 18 tuổi và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia tố tụng. Tuy nhiên trong giai đoạn truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng đã tiến hành các hoạt động tố tụng, khắc phục những thiếu sót trên, người tham gia tố tụng không có ý kiến, không yêu cầu được trợ giúp pháp lý. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với lời Khai của bị cáo Nguyễn Trọng N1 tại phiên tòa liên quan đến việc toàn bộ lời Khai của bị cáo trong quá trình điều tra là do bị cáo bị cán bộ

điều tra mớm cung. Tuy nhiên không có bất kỳ T1 liệu, chứng cứ hay dấu hiệu gì trong hồ sơ thể hiện bị cáo bị mớm cung nên không có căn cứ xem xét.

[2] Đối với việc vắng mặt của các bị hại, người đại diện hợp pháp của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa:

Xét tại các Biên bản ghi lời Khai ngày 10/5/2022 của bị hại Nông Thị Kim A và Hương Thị N3 đã thể hiện các bị hại và người đại diện xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử; quá trình điều tra, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có lời Khai rõ ràng, việc vắng mặt các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa cũng như quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã Khai báo về hành vi phạm tội của mình, tóm tắt như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 2h ngày 08/9/2021, các bị cáo Phan Minh Q, Ngô Tín Trung T và Huỳnh Tấn T1 đã có hành vi cùng nhau dùng vũ lực chiếm đoạt Tài sản của các bị hại Anh và N3 như sau: Q giật lấy chiếc điện thoại trên tay chị Kim A (trị giá 1.850.000 đồng), đưa cho T1 cầm, rồi cùng T1 và T xông vào bên trong phòng, Q lấy 01 con dao Thái Lan để trên tủ lạnh trong phòng chữa về phía chị N3 đang nằm dưới nệm trong phòng, kêu đưa điện thoại. Chị N3 sợ bị đâm nên đưa chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus (trị giá 4.725.000 đồng) đưa cho Q. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, Q và T1 kêu chị N3 và chị Kim A đọc mật khẩu để mở điện thoại, chị N3 và chị Kim A sợ nên đọc mật khẩu cho Q và T1 nghe. Riêng Nguyễn Trọng N1 đã có hành vi cho các bị cáo mượn xe dù biết và nghe rõ việc bàn bạc đi cướp Tài sản nhưng không có ý kiến gì phản đối. Sau khi các bị cáo mang các Tài sản cướp về, bị cáo N1 đã đồng ý đem điện thoại Iphone 7 Plus trên đi đến tiệm cầm đồ Minh Hiếu để cầm cố được 2.650.000 đồng, và sau đó được bị cáo T cho 200.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/9/2021, Nhí, Q và T đã có hành vi rủ K, L và H đến dùng vũ lực chiếm đoạt ma túy và tiền của Thái. T, K và Q có hành vi T tiếp dùng cây gậy ba khúc, L dùng kéo, Nhí dùng bình ga mini cùng nhau đánh bị hại Thái nhằm chiếm đoạt số tiền 2.900.000 đồng.

Xét các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố tình thực hiện. Như vậy: Hành vi của Phan Minh Q, Ngô Tín Trung T, Trần Minh K, Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trọng N1 là dấu hiệu cấu thành tội: “Cướp Tài sản” theo quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, trong đó: Q và T tham gia 02 lần chiếm đoạt Tài sản tổng trị giá 10.175.000 đồng; T1 và N1 01 lần cùng đồng phạm dùng vũ lực chiếm đoạt Tài sản trị giá 7.375.000 đồng; K, L, H và Nhí 01 lần cùng đồng phạm dùng vũ lực chiếm đoạt Tài sản của người khác trị giá 2.800.000 đồng.

Đối với hành vi của Huỳnh Hữu N2: Bị cáo N2 biết việc Trần Minh K đã có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tiền chiếm đoạt Tài sản của Nguyễn Hồng T2, nhưng khi được K cho 500.000 đồng từ tiền của T2 thì N2 nhận, và sau đó còn nói K kêu Nguyễn Văn H lấy tiền chiếm đoạt được của T2 chuyển thêm cho N2 300.000 đồng để nạp tiền chơi điện tử. Trong khi bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tiêu thụ Tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với hành vi của bị cáo Phạm Thanh Sang: Sang biết Trần Minh K lấy ma túy đá bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn tại nhà của Sang để cùng Ngô Tín Trung T và Huỳnh Hữu N2 sử dụng, nhưng Sang đồng ý đi đóng cửa lại, rồi quay vào cùng nhau sử dụng. Xét bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét lời Khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời Khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các chứng cứ, T1 liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Riêng bị cáo Nguyễn Trọng N1 thay đổi lời Khai tại phiên tòa, xác định bị cáo đã bị truy tố oan, bị cáo không biết và không tham gia vào hành vi cướp Tài sản với các bị cáo khác. Lời Khai của bị cáo tại phiên tòa mâu thuẫn với lời Khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như mâu thuẫn với lời Khai của các bị cáo khác có liên quan cụ thể là bị cáo Huỳnh Tấn T1, Ngô Tín Trung T và bị cáo Phan Minh Q. Do đó, tại phiên tòa HĐXX đã tiến hành đối chất lời Khai giữa các bị cáo Nguyễn, T1 và Q, T. Từ kết quả đối chất HĐXX nhận định: Nguyễn Trọng N1 tuy không tham gia bàn bạc cùng T1, T và Q trước khi đi cướp Tài sản của các bị hại N3 và Kim A, tuy nhiên N1 đã có mặt trong phòng số 17 tại thời điểm Q, T và T1 nói chuyện với nhau, nên Nguyễn đã nghe được và biết được việc Q, T và T1 sẽ đi cướp Tài sản. Ngoài ra khi Q, T và T1 mượn xe của N1 để đi cướp Tài sản là vào khoảng thời gian từ 01 giờ - 02 giờ sáng, N1 thừa nhận đồng ý cho Q và T mượn xe ngay mà không hỏi mục đích mượn để làm gì. Theo Q, T và T1 thì cả 04 người đều biết và ngầm hiểu là lấy xe đi cướp Tài sản nên không cần nói ra. Lời Khai của Q, T, T1 và lời Khai của N1 trong quá trình điều tra là đúng, phù hợp hoàn cảnh khách quan và có căn cứ. Mặt khác, khi Q và T cướp được Tài sản từ các bị hại đi về phòng số 17 thì Q và T đều Khai gặp N1 và N1 có hỏi rằng: “*Có lấy được gì không?*”. Như vậy, về mặt ý chí chủ quan thì bị cáo N1 đã biết rõ các bị cáo Q T1, T bàn bạc đi cướp Tài sản và mượn xe của Nguyễn đi nhằm mục đích cướp Tài sản nhưng vẫn đồng ý cho mượn, và sau đó bị cáo N1 cũng đã đem điện thoại đi cầm cố giúp và được nhận 200.000 đồng từ T. Như vậy, việc bị cáo Nguyễn Trọng N1 thừa nhận hành vi phạm tội trong quá trình điều tra nhưng lại thay đổi lời Khai tại phiên tòa vì lý do bị cáo biết được

khung hình phạt áp dụng đối với mình là quá nặng thể hiện thái độ quanh co chối tội, nhưng không làm thay đổi bản chất của vụ án. HĐXX vẫn căn cứ vào lời Khai ban đầu của bị cáo Nguyễn Trọng N1, lời Khai của các bị cáo khác và các T1 liệu chứng cứ đã được thu thập để làm căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Trọng N1 đã phạm tội: “Cướp Tài sản”.

Do vậy, Cáo trạng số 93/CT-VKSBC ngày 20/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất đồng phạm: Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Q và T đóng vai trò là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng phạm tội, các bị cáo Q, T, T1, K, L và N là người T tiếp dùng vũ lực và cướp Tài sản của các bị hại. Đối với bị cáo H là người T tiếp tham gia, chứng kiến các bị cáo dùng vũ lực để cướp Tài sản và ma túy của bị hại T2, bị cáo H cũng là người T tiếp chiếm đoạt tiền của T2 mượn của người khác. Đối với bị cáo N1 là người giúp sức bằng cách cho mượn xe làm phương tiện cho bị cáo Q, T, T1 thực hiện hành vi chiếm đoạt, đồng thời cũng là người T tiếp nhận Tài sản chiếm đoạt được để đưa đi tiêu thụ. Xét tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo cần xem xét áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Q, T cao hơn so với bị cáo Nhí, K, L và H, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Nguyễn là thấp hơn so với các bị cáo là đồng phạm khác.

[5] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được HĐXX cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo (trừ bị cáo Nguyễn Trọng N1) đều có thái độ thành khẩn Khai báo, ăn năn hối cải, nên được HĐXX cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Huỳnh Hữu N2 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được HĐXX cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Lê Văn N không biết chữ. Bị cáo Trần Minh K có trình độ học vấn thấp. Xét khả năng nhận thức pháp luật của các bị cáo có phần hạn chế, nên được HĐXX cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phan Minh Q và Ngô Tín Trung T phạm tội 02 lần, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Phạm Minh Q và Lê Văn N đã “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều khoản, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[8] Về hình phạt: Cần áp dụng một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đã thực hiện. Cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng là góp phần vào công tác phòng ngừa, răn đe tội phạm nói chung.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy đối với: Sim số 0344.239615; 01 cây gỗ ba khúc bằng khaim loại dài 60cm, cán màu đen; 01 cây kéo dài 10,5cm;
- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại hiệu Redmi màu xanh thu giữ của T.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Phan Minh Q, Ngô Tín Trung T, Trần Minh K, Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trọng N1 phạm tội: “Cướp Tài sản”.

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Hữu N2 phạm tội: “Tiêu thụ Tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh S phạm tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Minh Q;

Xử phạt bị cáo Phan Minh Q 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/9/2021.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Ngô Tín Trung T;

Xử phạt bị cáo Ngô Tín Trung T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/9/2021.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn N;

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/9/2021.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Văn H;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/9/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/9/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/9/2021.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Minh K;

Xử phạt bị cáo Trần Minh K 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/9/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Trọng N1;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/9/2021.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Thanh S;

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/3/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Hữu N2;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu N2 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/3/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy đối với: Sim số 0344.239615; 01 cây ba khúc bằng khaim loại dài 60cm, cán màu đen; 01 cây kéo dài 10,5cm;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại hiệu Redmi màu xanh thu giữ của bị cáo Ngô Tín Trung T.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, Tài sản ngày 13/6/2022 giữa Công an thị xã Bến Cát và Chi cục THADS thị xã Bến Cát).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công Khai theo quy định pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Ngọc Anh Đài

Lê Thành Tâm

Vũ Phước Thành